1. Cách phát âm “n”

* Có 3 cách phát âm: /n/, /m/, /ng/
* Phát âm là /n/ khi đứng trước s (z, j), t (d) hoặc khi đứng cuối từ

はんたい　/hantai/

うんどう /undou/

* Phát âm là /m/ khi đứng trước b,p,m

しんぶん　/shimbun/

えんぴつ /empitsu/

* Phát âm là /ng/ khi đứng trước k, (g), y, w hoặc khi đứng cuối từ

てんき /tengki/

けんがく　/kenggaku/

にほん　nihong

1. Trường âm

* “Trường” nghĩa là dài. Vậy trường âm trong tiếng Nhật là những âm tiết khi đọc được kéo dài ra.

**Trường âm hiragana**

* Hàng あ có trường âm là あ.

Ví dụ:

おばさん　obasan (cô)

おばあさん obaasan (bà)

* Hàng い có trường âm là い.  
  Ví dụ:

おじさん　ojisan (chú)

おじいさん ojiisan (ông)

* Hàng う có trường âm là う.

Ví dụ:

ゆき　yuki (tuyết)

ゆうき yuuki (dũng cảm)

* Hàng え có trường âm là え và い.

へや　　heya (căn phòng)

へいや heiya (đồng bằng)

ええ ee ("Vâng ạ.")

ねえ nee (Này)

ねえさん neesan (chị gái)

せんせい sensei ([giáo viên](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_vi%C3%AAn), ngài)

* Hàng お có trường âm là お và う.

ここ koko ở đây

こうこう koukou trường học cấp 3

**Trường âm katakana**

* Được biểu thị bằng dấu gạch ngang “―”

Ví dụ: カード ka-do

ノート no-to

1. Âm ngắt

**Âm ngắt hiragana**

* Chỉ đứng trước các chữ thuộc hàng “ka” (か-き-く-け-こ), “sa” (さ-し-す-せ-そ), “ta” (た-ち-つ-て-と) và “pa” (ぱ-ぴ-ぷ-ぺ-ぽ).
* Âm ngắt là khi phát âm có độ ngắt trong từ
* Bằng 1 đơn vị âm
* Âm ngắt làm thay đổi nghĩa của từ

Kí hiệu: “っ” = ½ “つ”

Đứng trước hàng: sa, ka, ta, pa

いっかい ikkai

ぶっか　bukka

がっこう gakkou

**Âm ngắt katakana**

* Kí hiệu “ッ”　= ½ “ツ”
* Ngoài các hàng giống trên hiragana thì âm ngắt ッ còn có thể đứng trước các chữ thuộc hàng “ga” (ガ-ギ-グ-ゲ-ゴ), “za” (ザ-ジ-ズ-ゼ-ゾ), “ha” (ハ-ヒ-フ-ヘ-ホ) và “ba” (バ-ビ-ブ-ベ-ボ). Riêng hàng “da” (ダ-ヂ-ヅ-デ-ド) thì chỉ có ダ-デ-ド, còn ヂ-ヅ thì không.
* サッカー sakka-

ベッド beddo

バッグ baggu

* Trường hợp đặc biệt:
* Phụ âm gấp đôi “c” = “t” và “c”

Ví dụ:

スイッチ = suicchi=suitchi

* Phụ âm gấp đôi “j” = “t”

Ví dụ: バッジ　= Batji